

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/DS-ST

Ngày: 26 - 12 - 2017

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh.

2. Bà Phạm Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Cao H, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Cao Kh, sinh năm 1949 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 277, đường TNT, tổ 14, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Vũ Thị H3, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 09, ngõ 02, phố NCT, tổ 05, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

3.2. Bà Vũ Thị X, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Nơi cư trú cuối cùng trước khi bỏ đi: Số nhà 45B, tổ 14, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (trước đây là tổ 04, tiểu khu ĐT cũ, thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình).

3.3. Anh Vũ Văn H1, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ: xóm TC, thôn ĐH, xã H2, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

3.4. Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 44, ngõ 266, đường NGT, phường NS, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

3.5. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: xóm 01, thôn PK, xã VP, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

3.6. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: thôn AP, xã Ea D', huyện Cư M', tỉnh Đắk Lắk.

3.7. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 33/13, đường NLB, xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

3.8. Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: xóm 4, thôn LĐ, xã VH, huyện VT, Thái Bình.

3.9. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: xóm 05, thôn LĐ, xã VH, huyện VT, Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H1, chị H2, chị Th, chị Ng, chị D, anh N, chị T:

Bà Vũ Thị H3, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 09, ngõ 02, phố NCT, tổ 05, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

3.10. Bà Hoàng Thị Mai Hg, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2016, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 19 tháng 12 năm 2016, đơn đề nghị đề ngày 03 tháng 7 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vũ Cao H trình bày:***

Bố đẻ ông là cụ Vũ Văn Đ (sinh năm 1910, chết năm 1993). Cụ Vũ Văn Đ có 2 người vợ, vợ thứ nhất là cụ Đinh Thị Q (sinh năm 1907, chết năm 1942), vợ thứ 2 là cụ Nguyễn Thị Q1 (sinh năm 1912, chết năm 2011).

Cụ Vũ Văn Đ và cụ Đinh Thị Q có hai người con đẻ là bà Vũ Thị Ch (sinh năm 1927, chết năm 2008) và bà Vũ Thị Ch1 (sinh năm 1932, chết năm 1996). Bà Vũ Thị Ch có chồng là ông Vũ Văn Đ (sinh năm 1927, chết năm 1958) và có hai con là anh Vũ Văn H1, chị Vũ Thị H2. Bà Vũ Thị Ch1 có chồng là ông Nguyễn Văn R (sinh năm 1927, chết năm 2014) và năm người con là chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Xuân N và chị Nguyễn Thị T.

Cụ Vũ Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Q1 có 06 người con đẻ là ông Vũ Cao Kh, bà Vũ Thị V (sinh năm 1951, chết năm 2014, không có chồng, không có con), bà Vũ Thị H3, ông Vũ Cao S (sinh năm 1961, chết năm 1978, không có vợ, không có con), ông Vũ Cao H và bà Vũ Thị X (sinh năm 1968, đã bỏ đi mất tích).

Bố mẹ đẻ cụ Vũ Văn Đ, cụ Nguyễn Thị Q1 đã chết trước hai cụ từ lâu, ngoài ra, cụ Đ, cụ Q1, bà Ch, bà Ch1, ông R không còn người con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác.

Khi còn sống, cụ Vũ Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Q1 có khối tài sản gồm 01 nhà mái bằng 01 tầng, 01 tum và công trình phụ tạm xây dựng trên diện tích đất 55,18m² tại thửa đất 211, tờ bản đồ số 02 tại số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Nguồn gốc nhà đất trên: Trước đây, cụ Đ, cụ Q1 sinh sống tại xã Hiệp Hòa, huyện VT, tỉnh Thái Bình, đến năm 1959 hai cụ mua nhà đất ở số nhà 45B, tổ 04, tiểu khu ĐT cũ (nay là tổ 14, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình) và chuyển lên sinh sống tại đây. Năm 1984, vì xác định ông Kh là con trai trưởng phải có trách nhiệm lo thờ cúng tổ tiên nên cụ Đ, cụ Q1 tách cho ông Kh khoảng 90m² đất, sau đó ông Kh xây nhà và sinh sống ở thửa đất trên; phần nhà đất còn lại khoảng 100m², ý định của cụ Đ, cụ Q1 là trước mắt là nơi để hai cụ và các con ở, sau này khi hai cụ về già sẽ tách cho ông H 60m² đất, khoảng 40m² đất còn lại sẽ là của hồi môn cho 3 con gái là bà V, bà H3, bà X. Do không đồng ý việc cụ Đ, cụ Q1 cho đất các con gái với lý do “*Nữ nhi ngoại tộc*” nên giữa ông Kh và cụ Đ, cụ Q1 xảy ra mâu thuẫn. Năm 1992, cụ Đ, cụ Q1 đã bán nhà đất đang ở tại số nhà 45B, tổ 04, tiểu khu ĐT (nay là tổ 14, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình) mua nhà đất mới và chuyển về ở tại số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Khi mua hiện trạng nhà đất gồm 01 nhà mái bằng 01 tầng, 01 tum và công trình phụ tạm, giá tiền mua là 3,8 cây vàng, ông H có đóng góp thêm cùng cụ Đ, cụ Q1 04 chỉ vàng để tôn tạo sửa chữa nhà, ở cùng cụ Đ, cụ Q1 có vợ

chồng ông H và bà V. Năm 2003 thửa đất 55,18m² đã được UBND thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00060QSDĐ/ĐT-TX ngày 15 tháng 10 năm 2003 mang tên cụ Nguyễn Thị Q1. Năm 2010, do nhà cũ xuống cấp, được sự đồng ý của cụ Q1, vợ chồng ông H, bà Hg đã xây lại nửa gian nhà ngoài, tôn tạo lại phần nhà phía sau và xây mới hoàn toàn tầng 2, hiện trạng nhà như hiện nay.

Cụ Vũ Văn Đ, bà Vũ Thị Ch, bà Vũ Thị Ch1 và bà Vũ Thị V chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ về tài sản.

Cụ Nguyễn Thị Q1 chết có để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ về tài sản. Di chúc của cụ Q1 lập ngày 27 tháng 02 năm 2004 có chứng thực của UBND phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình với nội dung để lại toàn bộ nhà và đất của hai cụ tại tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cho con gái là Vũ Thị V (bản chính di chúc hiện ông Kh đang quản lý). Sau khi cụ Q1 chết, bà V đi làm thủ tục sang tên sổ đỏ nhà đất cho bà V nhưng ông Kh không đồng ý với lý do *“Nữ nhi ngoại tộc”*, mặt khác ông Kh còn tuyên bố *“Nhà đất đó là của thằng H, nếu tao ký vợ thằng H nó giết chết tao à”*.

Sau khi bà Vũ Thị V chết, năm 2015 ông Vũ Cao H yêu cầu phân chia di sản thừa kế bố mẹ để lại, ông Vũ Cao H yêu cầu được hưởng ½ giá trị nhà đất trên, ông H đồng ý, hai bên thống nhất ông H sở hữu nhà và sử dụng đất và có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho ông Kh. Nhưng khi ông H mời ông Kh, bà H3 và các cháu con bà Ch, bà Ch1 về lập biên bản thì ông Kh lại không đồng ý, không ký thỏa thuận với lý do *“Nếu tao đồng ý ký văn bản phân chia tài sản, nó bán đi, lừa tao không trả tiền theo như thỏa thuận thì sao”* và ông Kh yêu cầu làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết.

Nay ông Vũ Cao H làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình yêu cầu chia di sản thừa kế bố mẹ để ông là cụ Vũ Văn Đ, cụ Nguyễn Thị Q1 và của bà Vũ Thị V để lại, hiện ông H đang quản lý sử dụng, gồm:

Quyền sử dụng đất 55,18m² tại số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00060QSDĐ/ĐT-TX ngày 15 tháng 10 năm 2003 mang tên Nguyễn Thị Q1);

Đối với nhà mái bằng 02 tầng xây dựng trên 55,18m² đất trên, năm 2010 vợ chồng ông H có sửa chữa tôn tạo lại nhà như hiện nay, nay ông đề nghị Tòa án xác định ngôi nhà trên là tài sản chung của cụ Đ, cụ Q1 và vợ chồng ông H, bà Hg, trong đó ông H xác định phần công sức đóng góp của ông H, bà Hg là 70%.

Ông Vũ Cao H đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật do hiện tại ông đang quản lý sử dụng và sinh sống ổn định tại nhà đất trên; ông H sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị phần di sản theo kỷ phần cho các thừa kế khác theo quy định pháp luật. Đối với phần di sản bà X được hưởng, ông H nhận trách nhiệm quản lý và sẽ trả lại cho bà X khi bà X trở về. Ông H không yêu cầu những người đồng thừa kế phải thanh toán công sức bảo quản, quản lý di sản thừa kế.

Nguyên đơn ông Vũ Cao H đã xuất trình cho Tòa án giấy tờ chứng minh nhân thân của cụ Đ, cụ Q1, bà V, bà H3, ông Kh, bà Hg, anh H1, chị H2, chị Th, chị Ng, chị D, anh N, chị T, bản sao bản di chúc đề ngày 27 tháng 02 năm 2004 của cụ Q1, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00060QSDĐ/ĐT-TX do UBND thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình) cấp ngày 15 tháng 10 năm 2003 cho cụ Nguyễn Thị Q1 để chứng minh cho những tình tiết, sự kiện đã trình bày.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Cao Kh không đến và không tham gia tố tụng tại Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 28 tháng 6 năm 2017, ông Vũ Cao Kh trình bày:***

Ông Vũ Cao Kh thống nhất với lời khai của ông Vũ Cao H về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, thời điểm cụ Vũ Văn Đ, cụ Nguyễn Thị Q1, bà Vũ Thị V chết và nội dung bản di chúc đề ngày 27 tháng 02 năm 2004 của cụ Q1, bản chính bản di chúc hiện ông Kh đang quản lý.

Khi còn sống, cụ Đ, cụ Q1 có khối tài sản chung là 01 nhà mái bằng 01 tầng, 01 tum cùng công trình phụ tạm trên diện tích đất 55,18m² tại số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00060QSDĐ/ĐT-TX ngày 15 tháng 10 năm 2003 mang tên Nguyễn Thị Q1, bản chính giấy tờ đất do ông H quản lý). Nhà đất trên, cụ Đ, cụ Q1 mua năm 1992, quá trình sinh sống cụ Đ, cụ Q1 có tu sửa nhà hoặc sau khi cụ Đ chết, vợ chồng ông H có xây sửa lại nhà không, ông không biết, không quan tâm, mà nếu vợ chồng ông H có sửa chữa, tu tạo lại nhà thì cũng là điều đương nhiên do vợ chồng ông H ở nhà thì phải sửa.

Ngày 27 tháng 2 năm 2004 cụ Nguyễn Thị Q1 có lập di chúc với nội dung sau khi cụ Q1 chết, bà Vũ Thị V được hưởng toàn bộ tài sản là nhà đất của bố mẹ, sau khi cụ Q1 chết, bà V đi làm thủ tục sang tên nhà đất cho bà V, tuy nhiên đang trong quá trình làm thủ tục thì năm 2014 bà V chết không để lại di chúc.

Ngoài nhà đất trên, cụ Đ, cụ Q1 và bà V không để lại tài sản nào khác và không có nghĩa vụ về tài sản. Nhà đất trên hiện do ông Vũ Cao H quản lý sử dụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Cao H, ông Vũ Cao Kh đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Đ, cụ Nguyễn Thị Q1 và bà Vũ Thị V để lại gồm 55,18m² đất và toàn bộ công trình xây dựng trên đất tại thời điểm hiện tại tại địa chỉ số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo quy định của pháp luật. Đối với phần di sản bà Vũ Thị X được hưởng, do bà X đã bỏ đi biệt tích nên đề nghị Tòa án quyết định người quản lý phần di sản của bà X.

Ông Vũ Cao Kh đã xuất trình cho Tòa án bản sao bản di chúc đề ngày 27 tháng 02 năm 2004 của cụ Nguyễn Thị Q1, bản sao đơn đề nghị đề ngày 24 tháng 01 năm 2013 của bà Vũ Thị V để chứng minh cho những tình tiết, sự kiện đã trình bày.

**** Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Vũ Thị H3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác là anh Vũ Văn H1, chị Vũ Thị H2, chị Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Xuân N, chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Bà Vũ Thị H3 xác nhận toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn ông Vũ Cao H là đúng và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Cao H về việc đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Đ, cụ Nguyễn Thị Q1 và bà Vũ Thị V.

Khi cụ Vũ Văn Đ, cụ Nguyễn Thị Q1 và bà Vũ Thị còn sống, ông Vũ Cao H là người trực tiếp chăm sóc khi cụ Đ, cụ Q1, bà V ốm đau, đứng ra lo liệu đám ma khi cụ Đ, cụ Q1, bà V chết; mặc dù là con trưởng nhưng ông Vũ Cao Kh không có trách nhiệm gì với gia đình, họ tộc; toàn bộ mọi công việc trong họ tộc, thờ cúng tổ tiên, bố mẹ, các em là do ông H đứng ra lo liệu. Do đó bà H3 đề nghị Tòa án giao phần di sản thừa kế của cụ Đ, cụ Q1, bà V để lại là nhà đất tại số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cho ông H quản lý sử dụng; ông H phải có trách nhiệm thanh toán giá trị phần di sản theo kỹ phần các thừa kế khác được hưởng theo quy định pháp luật; khi xác định kỹ phần được hưởng cho các thừa kế khác đề nghị Tòa án xem xét đến công sức của vợ chồng ông H, bà Hg trong việc sửa chữa, tu tạo lại nhà; đối với toàn bộ kỹ phần di sản thừa kế mà bà H3 và các cháu là anh H1, chị H2, chị Th, chị Ng, anh N, chị T được hưởng, bà H3 đề nghị được tặng cho toàn bộ cho ông H; đối với kỹ phần di sản bà X được hưởng, bà H3 đề nghị Tòa án giao cho ông H quản lý, ông H có trách nhiệm thanh toán lại cho bà X khi bà X trở về.

**** Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Mai Hg trình bày:***

Bà Hoàng Thị Mai Hg xác nhận toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn ông Vũ Cao H là đúng. Năm 2000 được sự đồng ý của cụ Nguyễn Thị Q1, bà Hg và ông H đã sửa chữa, tu tạo lại nhà như hiện nay.

Nay ông Vũ Cao H đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Đ, cụ Nguyễn Thị Q1 và bà Vũ Thị V để lại, bà Hg hoàn toàn nhất trí và đề nghị khi phân chia di sản thừa kế đề nghị Tòa án xem xét đến công sức đóng góp của bà và ông H trong việc sửa chữa, tôn tạo căn nhà trên theo quy định của pháp luật, bà Hg không yêu cầu những người đồng thừa kế phải thanh toán công sức bảo quản, quản lý di sản thừa kế.

*** Tại các biên bản xác minh ngày 07 tháng 9 năm 2017 và ngày 08 tháng 9 năm 2017, đại diện UBND xã VH và xã H2, huyện VT, tỉnh Thái Bình; cụ Đinh Văn S, sinh năm 1922, trú tại: xóm TD, thôn ĐH, xã H2, huyện VT, tỉnh Thái Bình (là em trai cụ Đinh Thị Q); cụ Nguyễn Văn Ngạn, sinh năm 1932, trú tại: xóm TC, thôn ĐH, xã H2, huyện VT, tỉnh Thái Bình (là anh em họ của cụ Vũ Văn Đ); ông Hoàng Văn Thg, sinh năm 1932, trú tại: số nhà 129, đường TKD, tổ 14, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nguyên tổ trưởng tổ dân phố số 14, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình) cung cấp:**

Về nhân thân, điều kiện hoàn cảnh, mối quan hệ gia đình cụ Vũ Văn Đ, cụ Đinh Thị Q, cụ Nguyễn Thị Q1, bà Vũ Thị Ch, bà Vũ Thị Ch1 như nguyên đơn ông Vũ Cao H, bị đơn ông Vũ Cao Kh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã khai.

*** Tại Biên bản định giá tài sản ngày 06 tháng 9 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản xác định trị giá nhà đất tại số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình như sau:**

- Về nhà: $95,33\text{m}^2$ (diện tích sàn) $\times 3.284.000$ đồng/ $\text{m}^2 = 313.063.720$ đồng $\times 68\% = 212.883.330$ đồng (làm tròn số 212.883.000 đồng);

- Về đất: $55,18\text{m}^2 \times 8.200.000$ đồng/ $\text{m}^2 = 452.476.000$ đồng;

Tổng trị giá nhà và đất là 665.359.000 đồng (sau khi làm tròn số).

*** Phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Cao H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn ông Vũ Cao H và chia thừa kế di sản của cụ Vũ Văn Đ, cụ Nguyễn Thị Q1 và bà Vũ Thị V theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Vũ Cao H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản tại tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, các bên không thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

1.2 Về sự ủy quyền của các đương sự :

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là anh Vũ Văn H1, chị Vũ Thị H2, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Ng, anh Nguyễn Xuân N, chị Nguyễn Thị T cùng có văn bản ủy quyền cho bà Vũ Thị H3 đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án. Việc ủy quyền của các đương sự phù hợp theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự:

Nguyên đơn ông Vũ Cao H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Văn H1, chị Vũ Thị H2, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Xuân N, chị Nguyễn Thị T là bà Vũ Thị H3 có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Vũ Cao Kh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Mai Hg, bà Vũ Thị X vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho ông Kh nhưng ông Kh từ chối không nhận, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án; đối với bà X đã bỏ đi biệt tích từ tháng 10 năm 1989 không có tin tức, ngày 17 tháng 11 năm 2016 Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã ra Quyết định số 09/2016/QĐ-VDS tuyên bố bà X mất tích; do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại tổ dân phố số 14 và trụ sở UBND phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; đối với bà Hg, Tòa án cũng đã giao đầy đủ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay những người trên đều vắng mặt không có

lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Vũ Cao Kh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Mai Hg, bà Vũ Thị X.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về thời hiệu khởi kiện:

Điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *"Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này"*. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *"Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản,..., kể từ thời điểm mở thừa kế..."*. Cụ Vũ Văn Đ chết ngày 28 tháng 3 năm 1993, cụ Nguyễn Thị Q1 chết ngày 05 tháng 10 năm 2011, bà Vũ Thị V chết ngày 02 tháng 12 năm 2014, ngày 09 tháng 12 năm 2016 ông Vũ Cao H (con của cụ Đ và cụ Q1, em trai bà V) khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của cụ Đ, cụ Q1, bà V là nhà đất tại tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đến ngày 16 tháng 3 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ án, do đó, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Đ, cụ Q1, bà V vẫn còn.

2.2 Về di sản thừa kế :

2.2.1 Đối với quyền sử dụng đất 55,18m² tại số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Thửa đất trên đã được UBND thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00060QSDĐ/ĐT-TX ngày 15 tháng 10 năm 2003 mang tên cụ Nguyễn Thị Q1. Ông Vũ Cao H, ông Vũ Cao Kh, bà Vũ Thị H3 đều trình bày cụ Vũ Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Q1 là vợ chồng chung sống từ năm 1948. Năm 1959 hai cụ mua nhà đất và về ở tại số nhà 45B, tổ 4, tiểu khu ĐT (nay là tổ 14, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình). Năm 1992, cụ Đ, cụ Q1 bán nhà đất tại tiểu khu ĐT, mua nhà đất và chuyển về sinh sống tại số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến khi chết. Điều 14, Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: *"Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ hoặc chồng tạo ra, thu nhập về nghề nghiệp và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được cho chung"* và *"Khi một bên chết trước, nếu cần chia tài sản chung của vợ chồng thì chia đôi. Phần tài sản của người chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế..."*. Do đó, cần xác định thửa đất trên là tài sản chung của cụ Vũ Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Q1. Thửa đất trên trị giá 452.476.000 đồng, mỗi người cùng sở hữu ½, theo đó phần tài sản của cụ Vũ Văn Đ là 226.238.000 đồng, phần tài sản của cụ Nguyễn Thị Q1 là 226.238.000 đồng.

2.2.2 Đối với căn nhà mái bằng 02 tầng xây dựng trên thửa đất 55,18m² đất trên, ông Vũ Cao H, ông Vũ Cao Kh, bà Vũ Thị H3, bà Hoàng Thị Mai Hg đều trình bày khi cụ Đ, cụ Q1 mua nhà đất đến trước năm 2010, căn nhà là nhà mái bằng 01 tầng, 01 tum, công trình phụ tạm không khép kín. Theo nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, năm 2010 được sự đồng ý của cụ Q1, vợ chồng ông H, bà Hg xây lại nửa gian nhà ngoài, tôn tạo lại phần nhà phía sau và xây mới hoàn toàn tầng 2, hiện trạng nhà như hiện nay. Mặc dù bị đơn đề nghị xác định toàn bộ ngôi nhà là di sản cụ Đ, cụ Q1 nhưng cũng thừa nhận việc vợ chồng ông H, bà Hg có xây sửa nhà. Do đó, có căn cứ xác định ngôi nhà mái bằng 02 tầng xây dựng trên diện tích 55,18m² đất trên, có giá trị 212.883.000 đồng, là tài sản chung của cụ Đ, cụ Q1 và ông H, bà Hg, trong đó, vợ chồng ông H có công sức đóng góp nhiều hơn nên xác định phần của ông H, bà Hg là 70% giá trị căn nhà bằng 149.018.100 đồng (phần của ông H, bà Hg bằng nhau và bằng 74.509.050 đồng), phần của cụ Đ và cụ Q1 là 30% giá trị căn nhà bằng 63.864.900 đồng (phần của cụ Đ, cụ Q1 bằng nhau và bằng 31.932.450 đồng).

2.2.3 Như vậy, cần xác định di sản của cụ Vũ Văn Đ trị giá 258.170.450 đồng; di sản của cụ Nguyễn Thị Q1 trị giá 258.170.450 đồng; phần công sức của ông Vũ Cao H đóng góp vào nhà là 74.509.050 đồng; phần công sức bà Hoàng Thị Mai Hg đóng góp vào nhà là 74.509.050 đồng.

2.2.4 Ngoài tài sản là nhà đất trên, các đương sự đều thống nhất trình bày cụ Đ, cụ Q1, bà V không còn tài sản nào khác và đều không có nghĩa vụ về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.3 Về di chúc và những người thừa kế theo pháp luật:

2.3.1 Cụ Vũ Văn Đ chết năm 1993, không để lại di chúc, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh Thừa kế 1990, di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Đ được phân chia theo pháp luật. Cụ Đ có vợ là cụ Đình Thị Q (chết năm 1942) và cụ Nguyễn Thị Q1 (chết năm 2011) và 08 người con là bà Vũ Thị Ch (chết năm 2008), bà Vũ Thị Ch1 (chết năm 1996), ông Vũ Cao Kh, bà Vũ Thị V (chết năm 2014), bà Vũ Thị H3, ông Vũ Cao S (chết năm 1978), ông Vũ Cao H và bà Vũ Thị X (hiện mất tích). Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ gồm: cụ Q1, bà Ch, bà Ch1, ông Kh, bà V, bà H3, ông H, bà X.

Bà Ch chết năm 2008, bà Ch1 chết năm 1996, do đó, phần di sản bà Ch, bà Ch1 được thừa kế từ cụ Đ sẽ được phân chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Ch, bà Ch1. Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Ch là anh H1, chị H2. Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Ch1 là ông R (chết năm 2014), chị Th, chị Ng, chị D, anh N và

chị T. Ông R chết năm 2014, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông R là chị Th, chị Ng, chị D, anh N và chị T.

2.3.2 Cụ Nguyễn Thị Q1 chết năm 2011. Tại Tòa án, ông Vũ Cao H và ông Vũ Cao Kh xuất trình bản di chúc của cụ Q1 đề ngày 27 tháng 02 năm 2004 đã được chứng thực chữ ký của cụ Q1 tại UBND phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đều thể hiện nội dung cụ Q1 để lại nhà và đất tại số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cho con gái cụ là bà Vũ Thị V. Về mặt hình thức, bản di chúc lập ngày 27 tháng 02 năm 2004 của cụ Nguyễn Thị Q1 đã đáp ứng các quy định tại Điều 650, Điều 652, khoản 3 Điều 653, Điều 655, Điều 660, Điều 661 Bộ luật Dân sự 1995. Về nội dung, tại bản di chúc đề ngày 27 tháng 02 năm 2004, cụ Q1 đã định đoạt cả phần di sản là tài sản của cụ Q1 và phần di sản của cụ Đ, phần tài sản của ông Hiền, bà Hg trong khối tài sản chung của cụ Q1, cụ Đ, ông H, bà Hg. Khoản 4 Điều 670 Bộ luật Dân sự 1995 quy định: *“4- Khi di chúc có phần không hợp pháp mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại, thì chỉ phần đó không có hiệu lực pháp luật”*, do đó, di chúc của cụ Q1 không có hiệu lực đối với phần di sản của cụ Đ và phần tài sản của ông H, bà Hg trong khối tài sản chung với cụ Đ, cụ Q1; phần di chúc định đoạt di sản của cụ Q1 vẫn có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, di sản bà Vũ Thị V để lại gồm phần di sản bà V được thừa kế theo di chúc của cụ Q1 và phần di sản bà V được thừa kế theo pháp luật từ cụ Đ.

2.3.3 Bà Vũ Thị V chết năm 2014 không để lại di chúc nên theo điểm a khoản 1 Điều 675 Bộ luật Dân sự 2005, di sản của bà V được phân chia theo pháp luật. Bà V không có chồng, không có con, tại thời điểm bà V chết, bố mẹ đẻ của bà V là cụ Đ và cụ Q1 và ông bà nội, ông bà ngoại của bà V đều đã chết trước bà V, bà V có các anh chị em ruột là bà Vũ Thị Ch (chết năm 2008), bà Vũ Thị Ch1 (chết năm 1996), ông Vũ Cao Kh, bà Vũ Thị H3, ông Vũ Cao S (chết năm 1978, không có vợ, con), ông Vũ Cao H, bà Vũ Thị X (hiện mất tích), theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự 2005, bà V không có người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà V là ông Kh, bà H3, ông H và bà X.

2.4 Về phân chia di sản:

2.4.1 Di sản cụ Vũ Văn Đ để lại khi chết trị giá 258.170.450 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 25 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ là cụ Q1, bà Ch, bà Ch1, ông Kh, bà V, bà H3, ông H, bà X mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế bằng nhau và bằng 1/8 khối di sản thừa kế do cụ Đ để lại, bằng 32.271.306 đồng.

Bà Vũ Thị Ch đã chết, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Ch là anh H1, chị H2 được hưởng phần di sản của bà Ch được nhận nếu còn sống, phần mỗi người được hưởng là 16.135.653 đồng.

Bà Vũ Thị Ch1 đã chết, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Ch1 là ông R, chị Th, chị Ng, chị D, anh N và chị T. Ông R chết năm 2014, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông R là chị Th, chị Ng, chị D, anh N và chị T; phần mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Ch1, ông R được hưởng là 6.454.261 đồng.

2.4.2 Di sản cụ Nguyễn Thị Q1 gồm phần tài sản của cụ Q1 trong khối tài sản chung là nhà đất giữa cụ Đ, cụ Q1, ông H, bà Hg trị giá 258.170.450 đồng và phần di sản cụ Q1 được thừa kế từ cụ Đ trị giá 32.271.306, như vậy tổng trị giá di sản cụ Q1 để lại là 290.441.756 đồng.

2.4.3 Di sản bà Vũ Thị V gồm phần di sản bà V được thừa kế theo di chúc của cụ Q1 trị giá 290.441.756 đồng và phần di sản bà V được thừa kế theo pháp luật của cụ Đ trị giá 32.271.306 đồng, như vậy tổng trị giá di sản bà V để lại là 322.713.062 đồng. Theo khoản 2 Điều 676 Bộ luật Dân sự 2005, những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà V là ông Kh, bà H3, ông H, bà X mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế bằng nhau và bằng 1/4 khối di sản thừa kế do bà V để lại, bằng 80.678.265 đồng.

2.4.4 Xét thấy việc bà H3, anh H1, chị H2, chị Th, chị Ng, chị D, anh N và chị T thống nhất tặng cho toàn bộ kỷ phần di sản mà họ được hưởng thừa kế cho ông Vũ Cao H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.4.5 Phần công sức đóng góp của ông H, bà Hg được xác định là 70% giá trị căn nhà, bằng 149.018.100 đồng. Mặc dù trên thực tế, ông H, bà Hg là vợ chồng, chưa có tranh chấp về tài sản, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H đề nghị Tòa án xác định phần công sức của từng người (ông H, bà Hg) để tránh xảy ra tranh chấp với các đồng thừa kế. Xét thấy yêu cầu của ông H là có căn cứ, HĐXX căn cứ Điều 33, Điều 38, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13, xác định phần công sức đóng góp của ông H, bà Hg mỗi người là 74.509.050 đồng.

Như vậy, phần di sản ông Vũ Cao H được thừa kế và nhận tặng cho từ các đồng thừa kế là 290.441.756 đồng, phần công sức của ông H đóng góp vào nhà là 74.509.050 đồng, tổng giá trị là 364.950.806 đồng; phần di sản ông Vũ Cao Kh, bà Vũ Thị X mỗi người được thừa kế bằng nhau và bằng 112.949.572 đồng; phần công sức của bà Hoàng Thị Mai Hg đóng góp vào nhà là 74.509.050 đồng.

* Về phân chia hiện vật:

Xét thấy, nhà đất là di sản thừa kế hiện do ông Vũ Cao H đang quản lý, sử dụng, ông H có nguyện vọng được sở hữu nhà và sử dụng đất; căn cứ vào thực tế tài sản, diện tích đất 55,18m² không đủ để tách thửa (diện tích tối thiểu sau khi tách thửa đối với đất ở đô thị tại Thái Bình là 30m²), nhà mái bằng 02 tầng đã được xây dựng trên toàn bộ diện tích đất, không thể phân chia bằng hiện vật, do đó, cần giao cho ông H được sở hữu nhà và sử dụng đất tại thửa đất 211, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường DT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Kh, bà X kỷ phần mỗi người được hưởng số tiền là 112.949.572 đồng, hiện bà X đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, ông H chấp nhận quản lý di sản bà X được thừa kế, đến thời điểm xét xử, các đương sự khác trong vụ án không có ý kiến phản đối, do đó, cần giao phần di sản của bà X được hưởng cho ông H quản lý, ông H có trách nhiệm thanh toán kỷ phần bà X được hưởng khi bà X trở về.

Đối với phần công sức đóng góp của bà Hg vào ngôi nhà, như đã phân tích ở trên, để thuận tiện cho việc quản lý di sản thừa kế, theo đề nghị của ông H tại phiên tòa, cần buộc ông H phải có trách nhiệm thanh toán trị giá phần công sức đóng góp cho bà Hg số tiền là 74.509.050 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Cao H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản và không có yêu cầu gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí đối với phần di sản được hưởng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông Vũ Cao H tự nguyện nộp toàn bộ án phí đối với phần di sản mà bà Vũ Thị X được hưởng, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 24, Điều 25, Điều 35 Pháp lệnh Thừa kế 1990; Điều 650, Điều 652, khoản 3 Điều 653, Điều 655, Điều 660, Điều 661, khoản 4 Điều 670 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 667 Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11; Điều 668 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Điều 14, Điều 17 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 33, Điều 38, Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình số 52/2014/QH13; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Cao H.

2. Về di sản thừa kế:

2.1 Xác định di sản của cụ Vũ Văn Đ, cụ Nguyễn Thị Q1 gồm quyền sử dụng đất 55,18m² tại số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, trị giá 452.476.000 đồng (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00060QSDĐ/ĐT-TX do UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15 tháng 10 năm 2003 mang tên Nguyễn Thị Q1) và 30% giá trị nhà mái bằng 02 tầng xây dựng trên đất, trị giá 63.864.900 đồng; tổng trị giá di sản là 516.340.900 đồng, trong đó phần của cụ Vũ Văn Đ là 258.170.450 đồng, phần của cụ Nguyễn Thị Q1 là 258.170.450 đồng.

2.2 Xác định di sản bà Vũ Thị V gồm phần di sản bà Vũ Thị V được thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị Q1 trị giá 290.441.765 đồng và phần di sản bà V được thừa kế theo pháp luật của cụ Đ trị giá 32.170.306 đồng; tổng trị giá di sản là 322.712.071 đồng

2.3 Xác định phần công sức đóng góp của ông Vũ Cao H, bà Hoàng Thị Mai Hg là 70% giá trị nhà mái bằng 02 tầng xây dựng trên thửa đất 55,18m² tại số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình là 149.018.100 đồng, trong đó phần của ông Vũ Cao H là 74.509.050 đồng, phần của bà Hoàng Thị Mai Hg là 74.509.050 đồng.

3. Xác định hàng thừa kế và phân chia di sản:

3.1. Hàng thứ kế thứ nhất của cụ Vũ Văn Đ gồm: cụ Nguyễn Thị Q1, bà Vũ Thị Ch, bà Vũ Thị Ch1, ông Vũ Cao Kh, bà Vũ Thị V, bà Vũ Thị H3, ông Vũ Cao H, bà Vũ Thị X; mỗi người thừa kế được hưởng kỷ phần là 32.271.306 đồng.

3.2. Hàng thừa kế thứ hai của bà Vũ Thị V là ông Vũ Cao Kh, bà Vũ Thị H3, ông Vũ Cao H, bà Vũ Thị X; mỗi người thừa kế được hưởng kỷ phần là 80.678.266 đồng.

3.3. Chấp nhận việc bà Vũ Thị H3, anh Vũ Văn H1, chị Vũ Thị H2, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Xuân N, chị Nguyễn Thị T tự nguyện cho (nhường) phần di sản thừa kế được hưởng của cụ Vũ Văn Đ, bà Vũ Thị V cho ông Vũ Cao H.

Sau khi làm tròn số, phần di sản ông Vũ Cao H được hưởng trị giá 364.950.000 đồng; phần di sản ông Vũ Cao Kh được hưởng là 112.950.000 đồng; phần di sản bà Vũ Thị X được hưởng là 112.950.000 đồng; phần công sức chị Hoàng Thị Mai Hg được hưởng là 74.509.000 đồng.

4. Phân chia hiện vật:

4.1 Giao cho ông Vũ Cao H được sử dụng diện tích đất 55,18m² tại số nhà 19, ngõ 131, đường THĐ, tổ 06, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và sở hữu 01 nhà mái bằng 02 tầng xây dựng trên đất; thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00060QSĐĐ/ĐT-TX do UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15 tháng 10 năm 2003 mang tên Nguyễn Thị Q1 và có tứ cận như sau: phía Đông dài 12,4m giáp nhà bà Đài; phía Tây dài 12,4m giáp nhà ông Ninh; phía Nam dài 4,6m giáp ngõ đi chung; phía Bắc dài 4,3m giáp nhà ông Sinh.

4.2. Ông Vũ Cao H có trách nhiệm thanh toán trị giá phần di sản cho ông Vũ Cao Kh số tiền là 112.950.000 đồng (bằng chữ: một trăm mười hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

4.3. Ông Vũ Cao H có trách nhiệm thanh toán trị giá phần di sản cho bà Vũ Thị X số tiền 112.950.000 đồng (bằng chữ: một trăm mười hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Tạm giao phần di sản của bà Vũ Thị X được hưởng cho ông Vũ Cao H quản lý. Ông Vũ Cao H có trách nhiệm thanh toán cho bà Vũ Thị X khi bà Vũ Thị X trở về.

4.4. Ông Vũ Cao H có trách nhiệm thanh toán trị giá phần công sức đóng góp vào ngôi nhà trên cho bà Hoàng Thị Mai Hg số tiền là 74.509.000 đồng (bằng chữ: bảy mươi bốn triệu năm trăm linh chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Án phí: Ông Vũ Cao H phải chịu 18.247.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và tự nguyện nộp 5.647.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm bà Vũ Thị X phải chịu; chuyển số tiền 2.725.000 đồng ông Vũ Cao H đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0006368 ngày 14/3/2017 và số 0006633 ngày 24/8/2017 thành án phí; ông Vũ Cao H phải nộp thêm 21.170.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Vũ Cao Kh phải chịu 5.647.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hoàng Thị Mai Hg phải chịu 3.725.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- Viện kiểm sát ND TP Thái Bình;
- Chi cục THA dân sự TP Thái Bình;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

